

Bản án số: 30 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thanh Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

2. Ông **Phạm Xoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị T** - sinh năm 1957.

Địa chỉ: 47 Nguyễn D, phường Thạch T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.  
(Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Dương Ngọc A** - sinh năm 1949.

Địa chỉ: 47 Nguyễn D, phường Thạch T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.  
(Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Dương Ngọc A là bà Trần Thị Thùy V; trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

\* *Nguyên đơn, bà Võ Thị T trình bày:*

Tôi và ông Dương Ngọc A kết hôn vào năm 1979, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 225/6 Hoàng D, phường Bình T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng sau đó đến khoảng năm 1987 thì chuyển về sống tại 47 Nguyễn D, phường Thạch, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp về tính tình và quan điểm sống, hôn nhân không hòa hợp, cách sống, cách sinh hoạt khác nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông A không quan tâm gì đến vợ con, trước đó ông A còn có đánh đập tôi. Nay tôi thấy không còn tình cảm gì với ông A, mâu thuẫn vợ chồng tôi không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Dương Ngọc A.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Dương Thị Thu T - sinh ngày 06/06/1980 và Dương Anh T - sinh ngày 22/01/1982.

Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn là ông Dương Ngọc A trình bày:*

Tôi thống nhất như lời trình bày của bà Võ Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chúng tôi đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng theo tôi đó chỉ là những cãi vã nhỏ nhặt hằng ngày, không đến mức phải ly hôn. Bản thân bà T thì hoang tưởng, mê tín dị đoan, nghe theo lời kích động của người khác. Chưa kể hiện nay tôi đã lớn tuổi, mang trong người ba bệnh nan y: tiểu đường do chất độc hóa học, bệnh tim mạch và bệnh thoái hóa cột sống, tôi là bộ đội thương binh trong kháng chiến chống Mỹ. Bệnh tình hành hạ tôi cộng với áp lực của bà T hàng ngày la mắng tôi, làm cho sức khỏe của tôi không ổn định, bà T luôn làm mọi cách để cho tôi phải đồng ý ly hôn bà nhưng tôi không chấp nhận. Bản thân tôi vẫn còn tình nghĩa vợ chồng, vẫn còn yêu thương bà T. Nay bà T yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý, tôi đề nghị được đoàn tụ và để vợ chồng tôi được sống những ngày an nhiên tuổi già.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Dương Thị Thu T - sinh ngày 06/06/1980 và Dương Anh T - sinh ngày 22/01/1982.

Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung. Tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm:* Trong quá trình chung sống, bà T và ông A tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn của người lớn tuổi, không phải đến mức độ trầm trọng để dẫn đến việc phải ly hôn. Bản thân ông A là người hiền lành, tuổi cao, sức yếu, nhiều bệnh trong người, nguyện vọng của ông A là xin được đoàn tụ, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là chính đáng. Ngoài ra, nguyện vọng của con bà T, ông A cũng yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T vì họ cho rằng giữa ông, bà không có mâu thuẫn gì phải ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét nguyện vọng chính đáng của ông A, bác đơn yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị T và ông Dương Ngọc A cư trú tại địa chỉ 47 Nguyễn D, phường Thạch T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Dương Ngọc A kết hôn vào năm 1979, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A thì xác định tình cảm vợ chồng của ông đối với bà T vẫn còn, nay ông A không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông A thì thấy: Bà T cho rằng giữa vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn mà bà nêu ra không rõ ràng. Hiện nay ông A đã 72 tuổi, tuổi cao, sức khỏe yếu, nhiều bệnh mang trong người nhưng ông A vẫn có thiện chí xây dựng gia đình hạnh phúc. Qua thực tế xác minh tại địa phương thì: “Trong cuộc sống thì thỉnh thoảng giữa ông, bà có lời qua tiếng lại nhưng không phải mức độ trầm trọng. bản thân ông A là cựu chiến binh, có lối sống hiền lành, bà T thì nói nhiều...ông bà không có mâu thuẫn gì lớn đến mức độ phải ly hôn”.

Ngoài ra, con chung của bà T và ông A có đơn trình bày ý kiến hoàn toàn không đồng ý việc bà T ly hôn đối với ông A. Hội đồng xét xử thấy: hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, các thành viên gia đình phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân của bà T và ông A tuy có xảy ra nhưng đó cũng chỉ là những mâu thuẫn đơn giản trong mỗi gia đình, không đến mức độ trầm trọng dẫn đến việc phải ly hôn. Do đó, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông A nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Võ Thị T được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 9446 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T đối với ông Dương Ngọc A; Do không chấp nhận đơn khởi kiện về “ly hôn” của bà T đối với ông A nên các quan hệ về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T được miễn theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**1.** Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc “Ly hôn” đối với ông Dương Ngọc A.

**2.** Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Võ Thị T được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thi số 9446 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Thuận P,
- Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thanh Anh**